

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 13471
	Giờ.....Ngày 11 tháng 01 năm 11



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

I. Chính sách chất lượng của Công ty

- NĂNG ĐỘNG** Nhằm mang lại hiệu quả và linh hoạt trong cạnh tranh
- CHUYÊN NGHIỆP** Luôn có ý tưởng mới, sản phẩm mới với đội ngũ kinh doanh lành nghề, có tính chuyên nghiệp cao.
Cải tiến: chất lượng, cung cách phục vụ, đáp ứng được nhu cầu về kinh doanh, hậu mãi, khách hàng nội bộ và đáp ứng các yêu cầu luật định
- ĐỀ**
- TRỞ THÀNH** Nhà đầu tư, sản xuất & cung cấp hàng hóa, dịch vụ
Trên thương trường, là một trong những nhà phân phối có uy tín và mạnh nhất qua hiệu quả kinh doanh, thương mại, dịch vụ, hậu mãi,...
- HÀNG ĐẦU**

1Mục tiêu

Trở thành một nhà phân phối hàng đầu về sản phẩm điện, điện tử & IT.

Triết lý kinh doanh

“WIN – WIN” HỢP TÁC KINH DOANH, CHIA SẺ LỢI NHUẬN

(Có lợi cho: nhà đầu tư, khách hàng, CB-CNV, nhà cung cấp & các đối tác khác)

Chúng tôi cam kết

1. Xây dựng văn hóa công ty lành mạnh, lịch sự, hiện đại và chuyên nghiệp.
2. Luôn đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
3. Hoạt động theo mô hình nhóm mang tính đồng đội với sự tham gia góp sức của tất cả mọi người trong Công ty.
4. Xây dựng tốt môi trường làm việc, tạo cơ hội thăng tiến cho mọi CBCNV.
5. Cải tiến liên tục tất cả các công việc trong hệ thống QLCL & chấp nhận những thay đổi khi cải tiến nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý và thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.
6. Kiểm soát tất cả mọi việc đúng ngay từ đầu, đúng thời hạn bằng cách hoàn thành trách nhiệm và cam kết đúng thời hạn mọi lúc và bằng mọi giải pháp hợp lý.
7. Luôn chia sẻ và đáp ứng nhanh mọi nhu cầu của khách hàng.
 - Chính sách chất lượng này là cơ sở để xây dựng và xem xét sự phù hợp các mục tiêu chất lượng.
 - Chính sách này được truyền đạt trong toàn bộ tổ chức để thấu hiểu và thực hiện thông qua các hình thức: đào tạo, giải thích, giới thiệu cho nhân viên và chính sách được treo ở những nơi dễ thấy để đọc trong Công ty.
 - Chính sách này được xem xét định kỳ trong cuộc họp xem xét lãnh đạo để đảm bảo sự phù hợp liên tục của nó với sự thay đổi định hướng, chiến lược của công ty, môi trường kinh doanh và xã hội



II. Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

- 1. Tổng quan hoạt động kinh doanh**
- 2. Định hướng phát triển**
- 3. Lợi thế cạnh tranh**
- 4. Danh mục sản phẩm**
- 5. Hệ thống phân phối**



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

II. Báo cáo của Ban Giám đốc:

1. Tổng quan hoạt động kinh doanh

1.1. Tình hình hoạt động tài chính

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đvt: Triệu đồng)	Năm 2009	Năm 2010	So sánh 2010/2009
Tài sản ngắn hạn	128.476	141.638	110,24%
Tổng tài sản	268.853	296.520	110,29%
Nợ ngắn hạn	67.934	69.066	101,67%
Nợ phải trả	68.031	69.143	101,63%
Vốn chủ sở hữu	200.822	227.377	113,22%
CHỈ TIÊU CƠ BẢN	Năm 2009	Năm 2010	
ROS (%)	13,32	12,11	90,92%
ROA (%)	15,35	12,95	84,36%
ROE (%)	19,54	17,1	87,51%
EPS (VND)	3.876	3.826	98,71%
BVPS (VND)	20.985	23.760	113,22%
P/E (lần)	5,00	4,89	97,80%

Theo bảng cân đối kế toán 2010, tổng tài sản của công ty tăng hơn 10% so với năm 2009, đạt 296,5 tỷ đồng. Nguồn vốn chủ sở hữu cũng ngày càng được củng cố nhằm nâng cao năng lực tài chính của công ty.

Tại thời điểm 31/12/2010, vốn chủ sở hữu của công ty đạt 227,3 tỷ đồng (vốn điều lệ 95,69 tỷ đồng), ứng với giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) là 23.760 đồng, tăng hơn 13% so với năm trước.

Các chỉ số tài chính của TIE được duy trì ở mức cao. Cụ thể, ROS trên 12%, ROA xấp xỉ 13%, ROE hơn 17%.

1.2. Kết quả kinh doanh năm 2010

Trong năm 2010, mặc dù nền kinh tế còn đối diện với muôn vàn khó khăn nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng với toàn thể CB – CNV đã đoàn kết, nỗ lực thực hiện tốt các mục tiêu và nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao với kết quả như sau:

ĐVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch
1	Tổng doanh thu	357.000.000.000	381.618.426.614	106,90%
2	Lợi nhuận trước thuế	40.000.000.000	40.214.301.437	100,54%
3	Thu nhập bình quân	5.747.000	6.040.000	105,10%

Theo đó, tổng doanh thu tăng hơn 6,9% so với kế hoạch đề ra, đạt 381,6 tỷ đồng.



Bên cạnh đó, trong bối cảnh các chi phí của Công ty đồng loạt tăng nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn tăng nhẹ so với kế hoạch, đạt 40.2 tỷ đồng.

Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng được cải thiện với mức tăng 5,1%. Mặc dù tình hình khó khăn nhưng TIE vẫn đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả công việc.

1.3. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 2011

❖ Công tác quản trị:

- Thiết lập một cơ cấu quản trị Công ty hợp lý, năng động và hiệu quả.
- Phát triển đội ngũ nhân viên kinh doanh cho phù hợp với sự lớn mạnh của Công ty không chỉ về lượng mà còn phát triển cả về sự năng động và tính chuyên nghiệp.
- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân tài. Tạo một môi trường làm việc văn hóa, bình đẳng để mọi thành viên phấn đấu và có điều kiện thăng tiến.
- Quản lý chi phí hợp lý, linh động nhằm mang lại hiệu quả sản xuất – kinh doanh cao nhất.
- Xây dựng văn hóa ứng xử văn minh và thân thiện trong công ty và với khách hàng.

❖ Hoạt động sản xuất – kinh doanh:

➢ Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2011:

Dưới đây là một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 mà HĐQT Công ty dự kiến trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua

1.3.1. Kế hoạch sản lượng sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	TH 2010	KH 2011	TỶ LỆ (KH11/TH10)
1	Màn hình vi tính các loại	Cái	127.394	150.665	118,27%
2	Thiết bị lưu trữ các loại	Cái	18.608	61.500	330,50%
3	Máy tính tiền các loại	Cái	745	805	108,05%
4	Bảng điện tử quang báo	Triệu đồng	1.432	1.265	88,34%



1.3.2. Kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2011

ĐVT: Triệu đồng

STT	HẠNG MỤC	TH 2010	KH 2011	TỶ LỆ (KH11/TH10)
1	TỔNG DOANH THU	381.617	381.617	100,00%
2	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	40.214	40.000	99,47%
3	NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	7.494	8.000	106,75%
4	THU NHẬP BÌNH QUÂN (triệu/người/tháng)	6	6	100,00%

1.4. Những tiến bộ đã đạt được trong năm 2010

1.4.1. Về kinh doanh

- Việc kinh doanh màn hình vi tính các loại gặp nhiều khó khăn vì sự xuất hiện quá nhiều các thương hiệu trên thị trường và giá cả của mặt hàng này có nhiều biến động. Thực tế, Công ty liên tục phải giảm giá hoặc thực hiện các chương trình khuyến mãi nhằm đảm bảo thị phần hiện có của mình.

Bên cạnh đó, tình hình lạm phát, khủng hoảng kinh tế, giá vàng, giá ngoại tệ (đô-la Mỹ) tăng cao và biến động bất thường, người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó trong việc đảm bảo tăng trưởng kinh doanh. Đó là chưa đề cập đến vấn đề cấp hạn mức tín dụng cũng như thời hạn công nợ cấp cho các đại lý cũng bị xiết chặt. Việc làm này đã tác động không nhỏ đến vòng quay vốn lưu động và rủi ro thu hồi công nợ cho Công ty. Nhưng với sự nỗ lực, đoàn kết của toàn thể CB – CNV trong Công ty đã đạt được doanh số theo như kế hoạch đã đề ra.

- Việc kinh doanh máy tính tiền: Tháng 02/2010 lô hàng máy tính điện tử dòng thấp chính thức nhập khẩu và TIE là nhà phân phối chính thức của đối tác Trung Quốc tại Việt Nam. Dòng sản phẩm này đã được mang thương hiệu của TIE: PROCASH với kết quả rất khả quan.
- Bảng điện tử quang báo: với khách hàng truyền thống là Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (EXIMBANK) và các cửa hiệu kinh doanh vàng tư nhân. Năm 2010, Công ty TIE đã ký hợp đồng sản xuất, cung cấp và lắp đặt **Bảng hiển thị giá vàng điện tử TIE** cho Công ty TNHH MTV Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (SACOMBANK).
- Củng cố và phát triển mạng lưới phân phối đến các đại lý lớn, nhỏ tại các tỉnh, thành phố lớn nhằm đạt được thị phần cao.
- Đẩy mạnh dịch vụ khách hàng nhằm phục vụ tốt nhất các nhu cầu của họ. Đồng thời, thực hiện những chính sách kinh doanh – tiếp thị phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

➤ Duy trì chính sách tồn kho hợp lý, an toàn; hàng hóa luân chuyển nhanh.

1.4.2. Về sản xuất gia công

Năm 2010, đối tác sản có là Thales, với mối quan hệ tốt đẹp, với uy tín của mình (tất cả sản phẩm đạt chất lượng 100%, giao hàng đúng hạn), TIE không chỉ làm hài lòng đối tác mà họ còn giới thiệu Công ty MICROSPIRE thuộc tập đoàn EXXELIA để TIE mở rộng sản xuất. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính trên toàn cầu nói chung và tại châu Âu nói riêng, phía đối tác (Thales) đã cắt giảm sản lượng gia công đáng kể trong năm 2010.

➤ Hoạt động sản xuất

- **Màng quang báo:**
 - Cải tiến khung cơ khí (tạo mẫu mã đẹp, mỏng nhẹ).
 - Cải tiến board mạch điện tử để giảm giá thành sản phẩm, khắc phục lỗi phát sinh trong quá trình sử dụng, tăng giá trị sử dụng sản phẩm cho khách hàng.
 - Nghiên cứu – triển khai các ứng dụng truyền thông trên sản phẩm Full Color.
- **Màng gia công hàng điện tử:**
 - Tìm kiếm những đối tác mới để khai thác năng lực và kinh nghiệm hiện có của Công ty cũng như mở rộng sản xuất nhằm tăng quy mô, kim ngạch xuất khẩu.
 - Tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu nhằm tạo giá trị gia tăng cho hàng gia công của Thales.

➤ Hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh – liên kết

- Đã hoàn thành việc lắp đặt và chạy thử máy móc thiết bị.
- Hoàn tất sản phẩm mẫu gởi cho đối tác tại châu Âu kiểm nghiệm.
- Trong quý III/2011, những sản phẩm đầu tiên sẽ xuất xưởng.

1.4.3. Hoạt động dự án đầu tư:

➤ Dự án Cao ốc TIE:

- Thực hiện sửa chữa văn phòng làm việc tại 52 Thành Thái theo tiến độ kế hoạch với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo yêu cầu chất lượng và đã di dời văn phòng từ 376 Điện Biên Phủ về 52 Thành Thái từ tháng 07/2010.
- Thực hiện phá dỡ công trình hiện hữu tại 376 Điện Biên Phủ.
- Nhanh chóng thực hiện các thủ tục pháp lý đến tháng 06/2011 sẽ chính thức khởi công xây dựng.

➤ Dự án xây dựng khu nhà ở, căn hộ chung cư để bán và cho thuê tại Bình Dương: hoàn tất thủ tục hành chính để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.



- Dự án khu liên hợp tại huyện đảo Phú Quốc: đã hoàn tất việc san lấp mặt bằng và đang trong giai đoạn lựa chọn đối tác để đầu tư xây dựng dự án khu liên hợp cho lô đất tại thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
- Tìm kiếm mặt bằng thuận tiện (mua sắm văn phòng) cho việc kinh doanh tại thành phố Cần Thơ.

1.4.4. Hoạt động đầu tư tài chính:

- Tái cấu trúc danh mục đầu tư tài chính.
- Thanh khoản một số cổ phiếu thường mà công ty đã nhận được trong năm 2010 để bổ sung nguồn vốn lưu động.

1.4.5. Cổ tức 2010:

Công ty đã chi trả cổ tức năm 2010 cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (1.500 đồng/cổ phiếu)

2. Định hướng phát triển

2.1. Các mục tiêu chủ yếu

Với triết lý kinh doanh "**Hợp tác kinh doanh, chia sẻ lợi nhuận**", TIE đề ra mục tiêu:

- **Với khách hàng:** liên tục giữ vững và phát huy tốt mối quan hệ hiện có dựa trên sự thỏa mãn và hài lòng của khách hàng với phương châm "**Đôi bên cùng có lợi**". Bên cạnh đó, TIE phấn đấu phát triển thêm nhiều đại lý bán sỉ, bán lẻ góp phần làm cho thị phần của Công ty ngày càng lớn hơn, thương hiệu TIE ngày càng uy tín và vững mạnh hơn trên thị trường hàng công nghệ thông tin;
- **Với các đối tác:** tích cực tìm kiếm những cơ hội mới trong việc hợp tác, tìm kiếm những đối tác mới phục vụ lĩnh vực sản xuất – kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, liên doanh giữa TIE và Samsung ngày càng phát triển tốt đẹp hơn, bền vững hơn nhằm đảm bảo nguồn lợi nhuận ổn định cho Công ty.
- **Với Công ty:**
 - Đạt được lợi nhuận cao nhất để đảm bảo quyền lợi của người lao động và của cổ đông;
 - Thực hiện quản trị thay đổi, chủ động tái cấu trúc quản lý, tái cơ cấu nhân sự nhằm đạt hiệu quả cao trong quản lý;
 - Xây dựng đội ngũ CB – CNV đoàn kết, giỏi chuyên môn và nghiệp vụ nhằm hoàn thành tốt công việc được giao với hiệu quả cao nhất.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

2.2.1. Thực hiện các dự án

➤ Liên doanh Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam

Trước mắt thay đổi bổ sung một số điểm của Giấy chứng nhận đầu tư cho phù hợp với tình hình thực tế phát sinh.

Tiếp tục công tác xây dựng, hoàn chỉnh cơ sở vật chất, chuẩn bị nguồn nhân lực và củng cố công tác kỹ thuật.

Về sản phẩm, Liên doanh đã sản xuất thử nghiệm và gửi 02 model máy khoan và 01 model máy mài cho đối tác để kiểm tra chất lượng mẫu. Sau khi nhận được phản hồi từ đối tác, Liên doanh bước vào giai đoạn sản xuất thử định chất lượng, với số lượng 200 sản phẩm/model. Sau đó, Liên doanh PTV sẽ chính thức đi vào sản xuất hàng loạt (dự kiến từ tháng 08 năm 2011).

Sản lượng dự kiến:

STT	SẢN PHẨM	ĐVT	SẢN LƯỢNG	DOANH THU (USD)
1	Máy khoan các loại	Cái/năm	1.000.000	16.000.000
2	Máy mài các loại	Cái/năm	1.000.000	14.000.000
3	Thiết bị điện, linh kiện điện và điện tử khác			4.000.000
	TỔNG CỘNG			34.000.000

➤ Dự án Cao ốc TIE

- Đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục pháp lý.
- Hoàn tất giai đoạn thiết kế cơ sở.
- Dự kiến đến tháng 06 năm 2011 sẽ chính thức khởi công xây dựng.



➤ Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao

Mặc dù hợp đồng nguyên tắc về việc sản xuất gia công sản phẩm công nghệ cao với đối tác Hàn Quốc đã được ký kết nhưng chưa thể thực hiện vì cả hai bên đều có sự thay đổi về mặt nhân sự quản lý cấp cao. Năm 2011, Công ty TIE sẽ đàm phán lại với đối tác để có kế hoạch cụ thể thực hiện dự án.

2.2.2. Chiến lược phát triển kinh doanh

Với phương châm hành động: **"Nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển hài hòa, hiệu quả và bền vững"**, Công ty TIE với chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:

- **Về sản phẩm:** với năng lực cốt lõi của mình là nhà phân phối chuyên nghiệp các sản phẩm phục vụ công nghệ thông tin, Công ty tập trung phát triển các dòng sản phẩm mới để hình thành một gói sản phẩm IT có chất lượng, có uy tín trên thị trường.
- **Về mạng lưới phân phối:** duy trì mạng lưới phân phối hiện hữu và không ngừng mở rộng mạng lưới, địa bàn rộng khắp các miền của đất nước. Muốn được như vậy, Công ty đang thực hiện những bước chuẩn bị cần thiết về nhân lực, vật lực và tài lực để có một chiến lược phân phối phù hợp, một chiến lược sáng tạo tạo ra vị thế có giá trị và độc đáo cho Công ty.



- **Về cạnh tranh:** tiếp tục thực hiện những chính sách phù hợp với đặc điểm kinh doanh của từng loại sản phẩm, có sự lựa chọn và đánh đổi trong chính sách cạnh tranh để tạo ra những điểm nổi bật cũng như tăng năng lực cạnh tranh của Công ty đối với đối thủ cạnh tranh.

2.2.3. Chiến lược phát triển sản xuất

Như đã đề cập ở trên, sau quá trình làm việc với TIE, đối tác sẵn có là Thales đánh giá rất cao vì uy tín và chất lượng sản phẩm. Do đó, họ giới thiệu công ty MICROSPIRE thuộc tập đoàn EXXELIA để TIE mở rộng sản xuất. Điều này đã minh chứng cho định hướng dài hạn của Công ty là đúng đắn. Chính vì thế, Công ty TIE luôn tìm kiếm những cơ hội mới nhằm phát triển năng lực sản xuất của mình và có điều kiện để tiếp cận được công nghệ, kỹ thuật hiện đại trong ngành điện tử.

3. Lợi thế cạnh tranh

Nhân lực

- Có biến động nhưng nhìn chung, tất cả CBCNV đều hướng về mục tiêu chung của công ty.

Tài lực

- Nguồn vốn: lớn, ổn định.
- Có sự hỗ trợ từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn.
- Tài sản cố định: đất đai, nhà xưởng có sẵn, không tốn tiền thuê, ổn định.
- Liên doanh Samsung Vina hoạt động ổn định, có lãi và mối quan hệ tốt đẹp với đối tác.
- Uy tín đối với các ngân hàng trong nước.

Uy tín trong kinh doanh – Danh tiếng của thương hiệu

- Nhiều năm liền là nhà phân phối màn hình vi tính trong top 5 tại Việt Nam.
- Uy tín và hiệu quả trong hoạt động bán hàng và dịch vụ sau bán hàng.
- Uy tín đối với đại lý trong nước và nhà cung cấp nước ngoài cũng như đối với các đối tác liên doanh.

Kinh nghiệm

- Hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành phân phối sản phẩm IT tại Việt Nam.
- Xây dựng được hệ thống phân phối trải dài khắp các tỉnh thành.
- Xây dựng được hệ thống Trung tâm bảo hành ở các tỉnh, thành phố lớn.
- Xây dựng 03 chi nhánh tại Hà Nội & Cần Thơ & Phú Quốc, hoạt động hiệu quả từ khi thành lập.



- Nhanh nhạy nắm bắt xu hướng thị trường, đáp ứng nhu cầu khách hàng với đa dạng chủng loại hàng hóa từ cấp thấp đến cấp cao.

4. Danh mục sản phẩm

4.1. Màn hình vi tính Samsung



4.2. Màn hình vi tính HannsG

HI221DP



HANNSG



4.3. Màn hình vi tính Hyundai



4.4. LG Network Monitor



11

4.5. Máy tính tiền điện tử Casio



4.6. Máy tính tiền điện tử ProCash – thương hiệu sản phẩm TIE (máy tính tiền & két & máy scan & máy in bill)



4.7. Máy POS – Hiệu POSBank – Hàn Quốc



4.8. Thiết bị lưu trữ A-Data

- USB



- HDD

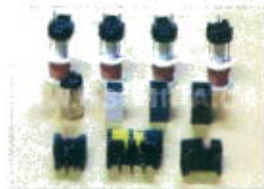


4.9. Sản phẩm sản xuất: Bảng tỷ giá, bảng giá vàng, bảng quảng cáo outdoor và indoor, màn hình fullcolor

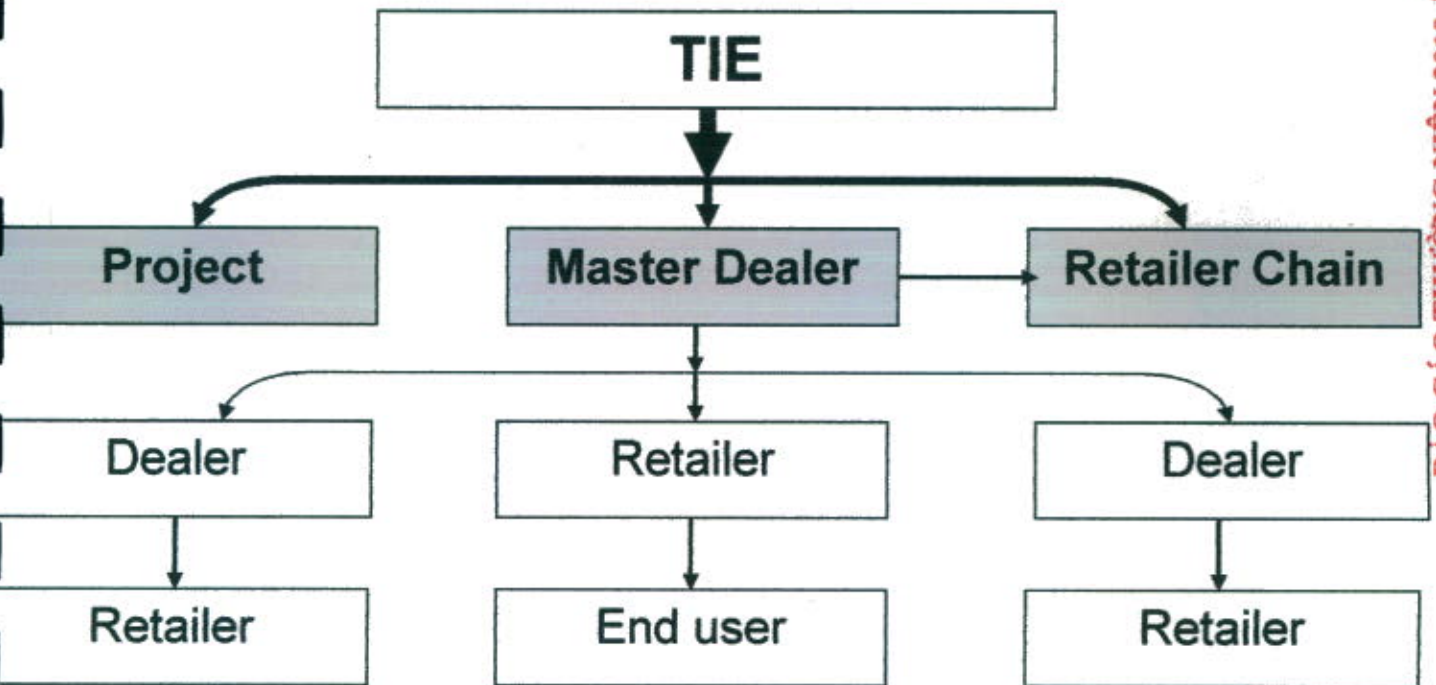


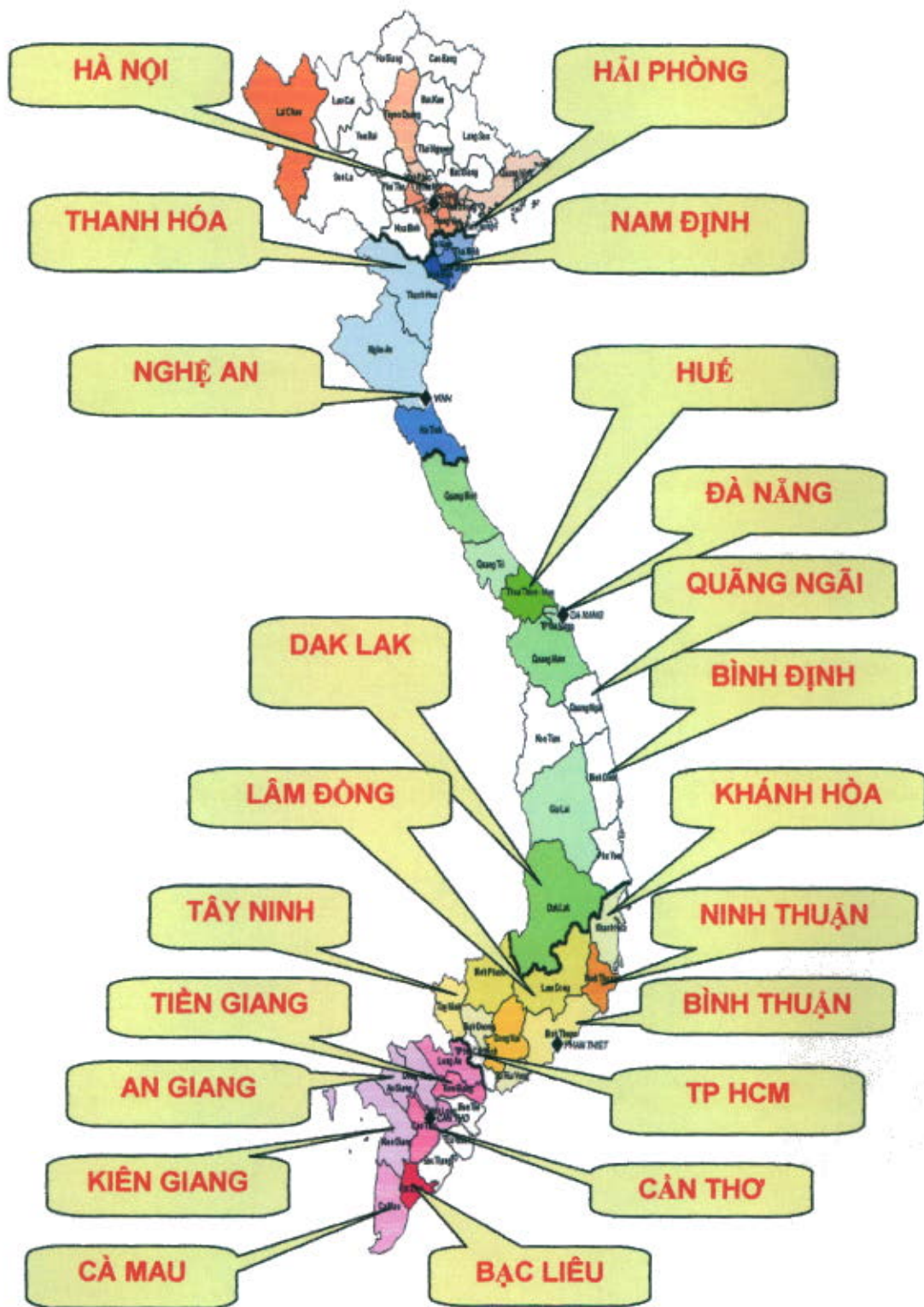


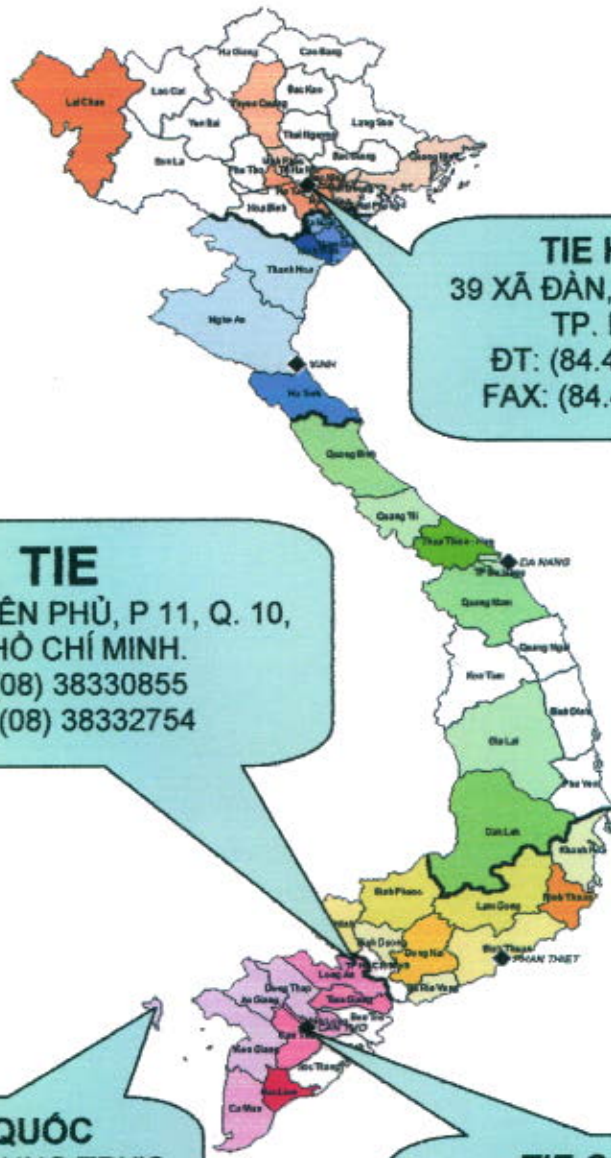
4.10. Sản phẩm gia công: cuộn cảm



5. Hệ thống phân phối







TIE
 376 ĐIỆN BIÊN PHỦ, P 11, Q. 10,
 TP. HỒ CHÍ MINH.
 ĐT: (08) 38330855
 FAX: (08) 38332754

TIE PHÚ QUỐC
 135 NGUYỄN TRUNG TRỰC,
 DỸÔNG ĐÔNG, PHÚ QUỐC -
 KIÊN GIANG
 ĐT: (84.77) 3982325
 FAX: (84 77) 3981734

TIE HÀ NỘI
 39 XÃ ĐÀN, Q. ĐÔNG ĐÀ,
 TP. HÀ NỘI
 ĐT: (84.4) 35737927
 FAX: (84.4) 35737925

TIE CẦN THƠ
 32 LÝ THƯỜNG KIỆT, Q. NINH
 KIỀU, TP. CẦN THỐ
 ĐT: (84.710) 6252306
 FAX: (84.710) 6252307



III. Giới thiệu về TIE

1. Giới thiệu TIE
2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty
3. Thông tin niêm yết
4. Quá trình phát triển
5. Cơ cấu tổ chức của TIE và đánh giá tình hình tổ chức và nhân sự
6. Công tác an ninh, an toàn Doanh nghiệp
7. Công tác trọng tâm khác
8. Các công ty con và công ty liên quan
9. Hoạt động cộng đồng
10. Giới thiệu HĐQT
11. Giới thiệu Ban kiểm soát
12. Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
13. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm 2009
14. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

GIỚI THIỆU VỀ TIE

III. Giới thiệu về TIE

1. Giới thiệu TIE

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
- Tên tiếng Anh : TELECOMMUNICATIONS INDUSTRY ELECTRONICS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : TIE

➤ Logo : 

➤ Trụ sở chính : 376 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP. HCM



- Điện thoại : (84.8) 3839 3054 – 3833 0855
- Fax : (84.8) 3833 2754
- Email : tie@tie.com.vn
- Website : www.tie.com.vn
- Các chi nhánh :

▪ Chi nhánh TIE Hà Nội:

- Địa chỉ : 39 Xã Đàn, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: (84 4) 35737 926 – 35737 927
- Fax : (84 4) 35737 925

▪ Chi nhánh TIE Cần Thơ:

- Địa chỉ : 32 Lý Thường Kiệt, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Điện thoại: (84 0710) 6252306
- Fax : (84 0710) 6252307



▪ **Chi nhánh TIE Phú Quốc:**

- Địa chỉ : 135 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 4, TT Dương Đông, H. Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (84 77) 399 5009 – 398 2352
- Fax : (84 77) 398 1734
- Vốn điều lệ : 95.699.000.000 đồng
- Bảng chữ : Chín mươi lăm tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu đồng
- Số lần thay đổi vốn điều lệ:

Lần 1	13 tháng 07 năm 2004	87.000.000.000 đồng
Lần 2	29 tháng 06 năm 2006	95.699.000.000 đồng

Tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần năm 2004, TIE có vốn điều lệ là 87 tỷ đồng. Sau 2 năm hoạt động, Công ty đã chia cổ tức bằng cổ phiếu 10% trên vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ từ 87 tỷ đồng lên 95,699 tỷ đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng. Sản xuất và kinh doanh thiết bị lạnh, máy phát điện, động cơ và phụ tùng rời cung cấp cho ngành điện lực (trừ tái chế phế thải nhựa – kim loại).
- Tư vấn, thiết kế phần mềm máy vi tính. Tư vấn, thiết kế, lắp đặt mạng máy tính.
- Thiết lập mạng lưới thiết bị Internet, cung cấp dịch vụ truy cập Internet công cộng. Sản xuất lắp ráp thiết bị bưu chính viễn thông.
- Mua bán tư liệu sản xuất hóa chất, vật tư, nguyên phụ liệu, thiết bị phụ tùng, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất công nông nghiệp, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải và phụ tùng;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hàng thủy hải sản chế biến, nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống).
- Bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lá.
- Sản xuất, gia công, mua bán các sản phẩm cơ khí.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu linh kiện điện tử, máy móc đo lường thí nghiệm điện – điện tử – thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động kinh doanh tại Tp.HCM);
- Kinh doanh bất động sản
- Dịch vụ lao động;



- Các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên Internet: dịch vụ thư điện tử; dịch vụ thư thoại; dịch vụ truy nhập cơ sở dữ liệu và thông tin trên mạng; dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (EDI); dịch vụ Fax nâng cao hay gia tăng giá trị bao gồm lưu trữ và gửi, lưu giữ và truy cập; dịch vụ chuyển đổi mã, hiệu; dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng; các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Bưu chính Viễn thông.
- Đại lý ký gửi hàng hóa.
- Đại lý kinh doanh xăng dầu.
- Cho thuê văn phòng.
- Vận chuyển hành khách bằng đường thủy, bằng taxi theo hợp đồng. Cho thuê nhà xưởng, kho bãi.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

3. Thông tin niêm yết

- Mã cổ phiếu : TIE
- Ngày niêm yết : 11/12/2009
- Tổng số cổ đông : 769 (Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 58/2011-TIE/VSD-ĐK của Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh)
- Tổng số cổ phần : 9.569.900 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000đ/cổ phần
- Giá niêm yết tham chiếu : 34.000 đồng/cổ phần

4. Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần TIE, tiền thân là Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Quận 10, được thành lập từ tháng 9 năm 1990. Lúc mới thành lập với tên gọi Xí nghiệp Điện tử được tách ra từ Công ty Xuất nhập khẩu Quận 10.

Năm 1990 -1993:

- Giai đoạn hình thành xí nghiệp và đầu tư cơ sở vật chất mở rộng qui mô để trở thành Công ty độc lập, chuyên gia công tái xuất và lắp ráp các sản phẩm điện –điện tử: Radio – cassette, TV đen trắng và TV màu.
- Hợp tác liên doanh với Công ty Sasco thành lập Cửa hàng miễn thuế tại Sân bay Tân Sơn Nhất.

Năm 1994:

- Liên doanh với Đối tác nước ngoài là Samsung Electronics Co. Ltd (Hàn Quốc) thành lập Công ty Liên doanh "CÔNG TY ĐIỆN TỬ SAMSUNG VINA" để sản xuất máy thu



hình, tủ lạnh và linh kiện điện tử. Liên doanh này đã và đang góp phần mang lại hiệu quả khá lớn cho Công ty TIE.

- Thành lập Trung tâm Bảo hành Sharp.

Năm 1995:

- Tham gia góp vốn trở thành thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn (SPT).

Năm 1996:

- Tổ chức gia công sản xuất, tái xuất cuộn cảm cho Tập đoàn Thales của Cộng hòa Pháp.

Năm 1999:

- Lắp ráp VCD và Radio phục vụ chương trình xóa đói thông tin.

Năm 2000:

- Đầu tư thành lập Xưởng Điện Gia Dụng chuyên sản xuất và lắp ráp máy giặt, tủ lạnh và tủ cấp đông, ...
- Trở thành Nhà phân phối chính thức màn hình vi tính Samsung SyncMaster tại Việt Nam.

Năm 2001:

- Liên doanh với Công ty Ever Success Motorcycle Hồng Kông thành lập Công ty liên doanh VICOPA chuyên sản xuất khuôn mẫu cơ khí và phụ tùng xe gắn máy.
- Đầu tư dây chuyền sản xuất cuộn khử từ cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất TV như: Samsung – Vina, Toshiba (VN), ...

Năm 2002:

- Thành lập Chi nhánh tại Hà Nội.

Năm 2003:

- Đưa vào hoạt động Trung tâm Viễn thông Thế Hệ Mới (VNGT) với 02 chi nhánh đặt tại TP.HCM và Hà Nội.
- Thành lập Trung tâm Dịch vụ Bảo hành màn hình vi tính Samsung Syncmaster

Năm 2004:

- Tháng 7/2004, chính thức chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần TIE (70% vốn Nhà nước).
- Tháng 09/2004, thành lập chi nhánh tại huyện đảo Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang).

Năm 2005:




- Đầu năm 2005 Công ty đã góp vốn và trở thành cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vận Tải Sasco Taxi (nay là Công ty Cổ phần Sài Gòn Sân Bay). Ngoài ra, Công ty đã tham gia đầu tư tài chính, trở thành cổ đông của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank).
- Nghiên cứu thành công sản phẩm quang báo sử dụng phần mềm tiếng Việt, ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực giao thông vận tải, quảng cáo truyền thông và đặc biệt là bảng hiển thị tỷ giá, lãi suất tại trên 80 Chi nhánh Ngân hàng Eximbank từ Bắc chí Nam.
- Chính thức phân phối máy tính điện tử Casio tại Việt Nam.
- Đầu tư xây dựng xí nghiệp cơ điện TIE tại Bình Chuẩn - Bình Dương.

Năm 2007:

- Tham gia phân phối một số mặt hàng IT Philips, Genius tại Việt Nam.
- Trở thành Trung tâm Bảo hành ủy quyền chính thức của Casio tại Việt Nam.

Năm 2009:

- Liên doanh với đối tác tại Mỹ - Công ty TNHH ATP – Applied Technology Precision Ltd., Company thành lập Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam PTV
- Tháng 03/2009 là nhà phân phối chính thức và duy nhất màn hình vi tính Hanns G (Đài Loan) tại Việt Nam.
- Ngày 15/08/2009, Công ty mở rộng địa bàn hoạt động phát triển một chi nhánh tại thành phố Cần Thơ.
- Tháng 10/2009 TIE là nhà phân phối chính thức các thiết bị lưu trữ thương hiệu  của Công ty A – Data (Đài Loan)
- Tháng 10/2009, chính thức là nhà phân phối độc quyền màn hình network của LG tại Việt Nam
- Tháng 12/2009 Công ty được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – Trung tâm Chứng nhận phù hợp QUACERT đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008/ISO 9001: 2008.

Năm 2010:

- Tháng 02/2010 lô hàng máy tính điện tử dòng thấp chính thức nhập khẩu và TIE là nhà phân phối chính thức của đối tác Trung Quốc tại Việt Nam. Dòng sản phẩm này đã được mang thương hiệu của TIE:

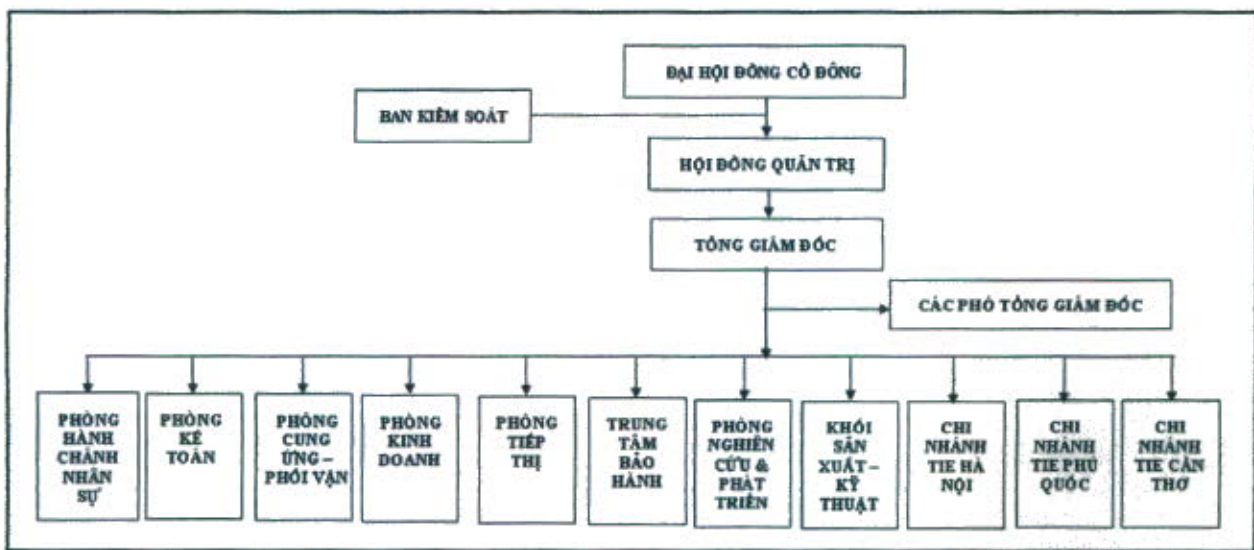




- Tháng 09/2010 bắt đầu ký kết hợp đồng gia công cho đối tác MICROSPIRE thuộc tập đoàn EXXELIA (Cộng hòa Pháp).
- Tháng 09/2010 tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty TIE.
- Tháng 11/2010 ký hợp đồng sản xuất, cung cấp và lắp đặt Bảng hiển thị giá vàng điện tử TIE cho Công ty TNHH Một thành viên Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (SACOMBANK).
- Tháng 12/2010 thực hiện việc phá dỡ hiện trạng tòa nhà 376 Điện Biên Phủ chuẩn bị khởi công xây dựng dự án Cao ốc TIE.

5. Cơ cấu tổ chức của TIE và đánh giá tình hình tổ chức và nhân sự

5.1. Sơ đồ tổ chức Công ty



5.2. Đánh giá tình hình tổ chức và nhân sự:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động, ổn định về nhân sự và tạo sự yên tâm công tác cho người lao động, cụ thể các nội dung sau:

- Nhân sự đầu kỳ (01/01/2010): 163 CB-CNV
- Nhân sự cuối kỳ (31/12/2010): 157 CB-CNV



- Tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều được ký hợp đồng lao động theo đúng qui định.
- Việc thực hiện chế độ BHXH: Công ty luôn thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động về BHXH. Tất cả người lao động khi ký hợp đồng chính thức sẽ được tham gia BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp và được giải quyết các chế độ liên quan theo đúng quy định.
- Về chăm lo các chế độ khác: Công ty thực hiện tốt việc chăm lo các chế độ khác cho người lao động theo nội dung thỏa ước lao động tập thể.
- Công ty đã thực hiện phương án điều chỉnh lương trong năm 2010, áp dụng từ 01/07/2010 và đã chăm lo cải thiện bữa ăn trưa cho CB-CNV Công ty.
- Công ty đã tổ chức tổng kết – thi đua khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2010. Tất cả CB – CNV có thời gian công tác theo đúng quy định sẽ được nhận lương tháng 13 và chế độ chăm lo Tết Nguyên đán, khen thưởng thi đua theo phân loại A,B,C..
- Thực hiện mua bảo hiểm an toàn tai nạn cho toàn thể CB-CNV Công ty.

6. Công tác an ninh, an toàn Doanh nghiệp

- Công ty đã thực hiện và triển khai tốt các kế hoạch do các sở ban ngành liên quan đề ra. Tích cực và tham gia thực hiện tốt tuần lễ quốc gia an toàn phòng chống cháy nổ - an toàn lao động tại đơn vị và đã tổ chức huấn luyện bảo hộ lao động và PCCC cho tất cả CB-CNV.
- Công tác quản lý và bảo quản tài sản Công ty được quan tâm và thực hiện tốt, đặc biệt là vào những ngày cao điểm và nghỉ lễ.
- Tham gia công việc kiểm sát, quản lý tài sản, thiết bị trong quá trình sửa chữa, chuyển dọn văn phòng của Công ty về địa điểm mới, không để xảy ra mất mát, thất lạc hay hư hỏng các hồ sơ và tài liệu liên quan.
- Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và rủi ro phụ tại các địa điểm của Công ty (376 Điện Biên Phủ, 52 Thành Thái, 760 Điện Biên Phủ, CN Hà Hội, CN Phú Quốc).

7. Công tác trọng tâm khác

- Đã bàn giao mặt bằng 376 Điện Biên Phủ cho Ban quản lý dự án cao ốc TIE Tower.
- Thực hiện sửa chữa văn phòng làm việc tại 52 Thành Thái và đã di dời văn phòng làm việc từ 376 Điện Biên Phủ về 52 Thành Thái từ tháng 07/2010.
- Đã hoàn tất việc di dời và sửa chữa Văn phòng làm việc về 52 Thành Thái theo tiến độ kế hoạch với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo yêu cầu chất lượng.
- Công ty cũng đã tổ chức đánh giá nội bộ và họp lãnh đạo xem xét chính sách chất lượng ISO: 9001 – 2008. Từ đó, đưa ra các biện pháp cải tiến quy trình để phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại của đơn vị.

- Tổ chức kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Công ty cổ phần TIE và phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các phong trào thi đua thể thao tại đơn vị. Qua đó, chăm lo tốt đời sống tinh thần, vật chất cho CB-CNV có thời gian làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Thực hiện tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, thắt chặt các khoản chi tiêu không hoặc chưa cần thiết được quán triệt và thực hiện đồng bộ trong tất cả cán bộ và người lao động. Các chi phí liên quan về hành chính của Công ty ngày càng giảm so với năm 2009.
- Đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thành công đại hội cổ đông năm 2010 vào ngày 29/04/2010 tại Trung tâm hội nghị White Palace, với sự tham dự của 55 cổ đông.
- Công ty cũng đã thực hiện các thủ tục liên quan về việc thiết kế mặt bằng tại Phú Quốc và đang xin thủ tục cấp giấy phép xây dựng.

8. Các công ty con và công ty liên quan

8.1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của TIE

- Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn (CNS): tỷ lệ nắm giữ cổ phần TIE là 70,0007%.

8.2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty TIE nắm giữ: không

8.3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

8.3.1. Công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	TIE góp vốn	Tỷ lệ (%)
Công ty Điện tử SAMSUNG VINA	Số 9 đường Trường Sơn, quận Thủ Đức, TP.HCM	17.460.000 USD	3.492.000 USD = 53.665.056.000 VNĐ	20
Công ty TNHH Dụng cụ Điện Việt Nam	Lô D – 7A – CN, Khu CN Mỹ Phước 3, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	1.500.000 USD	765.000 USD = 5.969.849.280 VNĐ	49



8.3.2. Đầu tư dài hạn:

Tên công ty	Địa chỉ	Số cổ phiếu TIE nắm giữ (Cổ phiếu)	Mệnh giá Đồng/CP	Số tiền đầu tư (VNĐ)
Ngân hàng TM CP XNK Việt Nam (EXIMBANK)	Số 7 Lê thị Hồng Gấm, quận I. TP.HCM	987.289	10.000	12.946.629.448
Công ty CP DV Bưu chính Viễn Thông Sài Gòn (SPT)	Lầu 6 số 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM	1.431.327	10.000	8.674.710.000
Công ty CP Vận chuyển Sài Gòn Tourist	25 Pasteur, quận I, TP.HCM	58.212	10.000	603.120.000
Công ty CP Bất động sản Sài Gòn – Đông Dương	42/47I (lầu 3) Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM	500.000	10.000	5.000.000.000
Công ty CP Văn hóa Tân Bình (ALT)	Lô II-3, Nhóm CN2, Đường số 11, KCN Tân Bình, quận Tân Phú, TP. HCM	40.875	10.000	2.325.000.000
Tổng cộng				29.549.459.448



8.3.3. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn:

Các chứng khoán niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh:

Tên công ty	Số cổ phiếu TIE nắm giữ (Cổ phiếu)	Mệnh giá Đồng/CP	Số tiền đầu tư (VNĐ)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị & Khu công nghiệp Sông Đà (SJS)	15.000	10.000	1.872.000.000
Công ty CP XD KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	6	10.000	60.000
Công ty CP Dầu Tường An (TAC)	6.000	10.000	828.000.000
Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	94.500	10.000	2.049.000.000
Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (DVSC)	20.000	10.000	980.000.000
Tổng cộng			5.729.060.000

9. Hoạt động cộng đồng

- Tham gia hoạt động từ thiện tại miền Trung (tháng 1/2011).
- Hỗ trợ Hội liên hiệp PN Quận 10 chăm lo các học sinh nghèo hiếu học.
- Chăm lo quà Tết cho các hộ gia đình nghèo trong địa bàn Q. 10.

10. Giới thiệu HĐQT

10.1. Ông Đặng Ngọc Hùng - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : Đặng Ngọc Hùng
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 04/01/1959
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa (ĐH Bách Khoa TP.HCM)
- Quá trình công tác :
 - 11/1995 – 10/2006 : Phó giám đốc Công ty Cao su Thống Nhất



Giám đốc Công ty Cao su Thống Nhất

- 10/2006 – nay : Đảng ủy viên Đảng ủy, thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH MTV (CNS)
- 04/2007 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần TIE
- Chức vụ tại TIE : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần TIE
- Chức vụ tại tổ chức khác:
- Đảng ủy viên Đảng ủy Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH một thành viên
- Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH một thành viên.
- Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH một thành viên
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 478.495 cổ phần. Trong đó:
- Cá nhân : 0 cổ phần
- Ủy quyền : 478.495 cổ phần (đại diện phần vốn Nhà nước)

10.2. Ông Nguyễn Văn Thọ - Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Nguyễn Văn Thọ
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/10/1954
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa (ĐH Tổng hợp TP.HCM)
- Quá trình công tác :
- 1990 – 03/2005 : Giám đốc kiêm Phó Bí thư Đảng bộ Công ty Cao su Thống Nhất
- 03/2005 : Đảng ủy viên Đảng bộ Sở Công nghiệp TP.HCM, Giám đốc Công ty Thuốc lá Bến Thành
- 09/2005 : Giám đốc kiêm Bí thư Đảng ủy Công ty Thuốc lá Bến Thành
- 10/2005 – 10/2006 : Thường vụ Đảng ủy Sở Công nghiệp TP.HCM
- 10/2006 – nay : Phó bí thư Đảng ủy, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH MTV
- 04/2007 – nay : Ủy viên HĐQT Công ty CP TIE
- Chức vụ tại TIE : Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần TIE



- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Phó bí thư Đảng ủy Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH một thành viên;
 - Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH một thành viên;
 - Tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH một thành viên.
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: **5.263.515 cổ phần**. Trong đó:
 - Cá nhân : 0 cổ phần
 - Ủy quyền : 5.263.515 cổ phần (đại diện phần vốn Nhà nước)

10.3. Ông Vũ Quốc Vinh - Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **Vũ Quốc Vinh**
- Giới tính : **Nam**
- Ngày tháng năm sinh : **14/04/1962**
- Quốc tịch : **Việt Nam**
- Trình độ văn hóa : **12/12**
- Trình độ chuyên môn : **Kỹ sư điện**
- Quá trình công tác:
 - 1985 - 1992 : Phó quản đốc Nhà máy Thuốc Lá Bến Thành
 - 1993 - 2006 : Giám đốc nhà máy trực thuộc Công ty Thuốc Lá Bến Thành
 - 2006 – 11/2010 : Giám đốc nhà máy trực thuộc Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn TNHH MTV
 - 12/2010 : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE
- Chức vụ tại TIE : **Thành viên Hội đồng quản trị**
Tổng giám đốc Công ty Cổ phần TIE
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT Công ty SAMSUNG VINA
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam (PTV)

10.4. Bà Trần Thị Bé Ba - Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **Trần Thị Bé Ba**
- Giới tính : **Nữ**
- Ngày tháng năm sinh : **22/09/1957**
- Quốc tịch : **Việt Nam**



11. Giới thiệu Ban kiểm soát

11.1. Ông Thân Nam Y - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : **Thân Nam Y**
- Giới tính : **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **01/03/1953**
- Quốc tịch : **Việt Nam**
- Trình độ văn hóa : **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế (ĐH Kinh Tế TP.HCM)**
- Quá trình công tác :
 - 04/1986 – 09/1991 : **Kế toán trưởng Công ty Tổng hợp Thương nghiệp quận Phú Nhuận, TP.HCM**
 - 09/1991 – 05/1992 : **Quyền kế toán trưởng Công ty Thuốc lá Bến Thành**
 - 06/1992 – nay : **Kế toán trưởng Công ty Thuốc lá Bến Thành**
- Chức vụ tại TIE : **Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần TIE**
- Chức vụ tại tổ chức khác :
 - **Đảng ủy viên Đảng ủy Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.**
 - **Kế toán trưởng Công ty Thuốc lá Bến Thành.**
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: **0 cổ phần**

11.2. Ông Đặng Chu Dũng – Thành viên BKS

- Họ và tên : **Đặng Chu Dũng**
- Giới tính : **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **31/03/1962**
- Quốc tịch : **Việt Nam**
- Trình độ văn hóa : **12/12**
- Trình độ chuyên môn:
 - **Thạc sỹ quản trị kinh doanh – Chuyên ngành tài chính công ty (Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh)**
 - **Cử nhân Ngoại ngữ (Anh văn – Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn)**
 - **Chứng chỉ kế toán trưởng (Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM)**
- Quá trình công tác :
 - 1992 – 2000 : **Kế toán trưởng Công ty TNHH Hoàng Liên**



- 2001 – 2006 : Tổ trưởng bán hàng Xí nghiệp ISAMCO – Tổng Công ty SAMCO
- 2007 – 05/2008 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Ô tô An Thái
- 07/2008 – 09/2008 : Chuyên viên tài chính Công ty Cổ phần TIE
- 10/2008 – 12/2008 : Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Cổ phần TIE
- 01/2009 – nay : Giám đốc Nghiên cứu & Phát triển CTCP TIE
- 05/2009 – nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần TIE
- Chức vụ tại TIE : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần TIE
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0 cổ phần

11.3. Bà Bùi Thị Thanh Hồng - Thành viên BKS

- Họ và tên : **Bùi Thị Thanh Hồng**
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/12/1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ (Trung văn)
Cử nhân Kinh tế (chuyên ngành QTKD)
- Quá trình công tác :
 - 2000 – 2001 : Điều hành tour Công ty Du lịch OSC
 - 2001 – 05/2008 : Nhân viên phòng Hành chánh – Nhân sự Công ty Cổ phần TIE
 - 06/2008 – nay : Phó giám đốc Hành chánh – Nhân sự Công ty Cổ phần TIE
 - 05/2009 – nay : Thành viên Ban kiểm soát,
- Chức vụ tại TIE : Phó giám đốc Hành chánh – Nhân sự Công ty Cổ phần TIE
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0 cổ phần



12. Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc

Ban điều hành của Công ty trong năm 2010 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính 31/12/2010 bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Quốc Vinh	Tổng Giám đốc	Tháng 12 năm 2010
Bà Trần Thị Bé Ba	Phó Tổng Giám đốc nội chính	Tháng 4 năm 2007
Ông Đoàn Vinh Quang	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh	Tháng 6 năm 2008

Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc) đã điều hành hoạt động trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010 và của Hội đồng quản trị Công ty.

12.1. Ông Vũ Quốc Vinh - Tổng Giám đốc

Mời xem lý lịch ông Vũ Quốc Vinh tại phần Hội đồng quản trị (mục 10)

12.2. Bà Trần Thị Bé Ba - Phó Tổng Giám đốc nội chính

Mời xem lý lịch bà Trần thị Bé Ba tại phần Hội đồng quản trị (mục 10)

12.3. Ông Đoàn Vinh Quang - Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

- Họ và tên : **Đoàn Vinh Quang**
- Giới tính : **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **15/02/1974**
- Quốc tịch : **Việt Nam**
- Trình độ văn hóa : **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân QTKD – Cử nhân Luật**
- Quá trình công tác :
 - 2000 – 2001 : Giám đốc Kinh doanh Công ty Việt Thái Quốc tế (Highland Coffee)
 - 2002 – 2005 : Giám đốc Nhãn hiệu Công ty Unilever Bestfood
 - 2005 – 2006 : Giám đốc Kinh doanh Tiếp thị Công ty Nettra
 - 2006 – 2007 : Giám đốc Kinh doanh toàn quốc Công ty Mesa
 - 10/2007 – 06/2008 : Giám đốc Kinh doanh cấp cao Công ty Cổ phần TIE
 - 07/2008 – nay : Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần TIE

➤ Chức vụ tại TIE : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần TIE

➤ Chức vụ tại tổ chức khác: Không

13. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm 2009:

Ông Vũ Quốc Vinh thay Bà Huỳnh Thị Dung (về hưu) làm Tổng giám đốc từ ngày 01/12/2010.

14. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

➤ Thay đổi thành viên HĐQT : Ông Vũ Quốc Vinh thay Bà Huỳnh Thị Dung (về hưu)

➤ Thay đổi Chủ tịch HĐQT : không

➤ Thay đổi Ban Tổng giám đốc : Ông Vũ Quốc Vinh thay Bà Huỳnh Thị Dung (về hưu)

➤ Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát : không

➤ Thay đổi kế toán trưởng : không



IV. Thông tin về cổ đông và Quản trị công ty

1. Báo cáo quản trị

2. Báo cáo Ban Kiểm soát:

3. Thông tin liên quan đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

4. Thông tin cổ đông

5. Hoạt động Quan hệ cổ đông - Các dữ liệu thống kê về cổ đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

THÔNG TIN CĐ VÀ QUẢN TRỊ CTY

IV. Thông tin về cổ đông và Quản trị công ty

1. Báo cáo quản trị

"Quản trị doanh nghiệp tốt và hiệu quả sẽ là nền tảng quan trọng góp phần thúc đẩy Công ty phát triển bền vững"

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Ông Đặng Ngọc Hùng	Chủ tịch HĐQT	Tháng 4 năm 2007	Thành viên độc lập
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT	Tháng 4 năm 2007	Thành viên độc lập
3	Ông Vũ Quốc Vinh	Thành viên HĐQT	Tháng 12 năm 2010	Tổng giám đốc
4	Bà Trần Thị Bé Ba	Thành viên HĐQT	Tháng 4 năm 2007	Phó Tổng giám đốc
5	Ông Lâm Quan Việt Hải	Thành viên HĐQT	Tháng 4 năm 2007	Giám đốc khối SX – KT

1.2. Cách thức điều hành và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT thực hiện chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, tổ chức các cuộc họp cũng như thủ lao được hưởng tuân thủ theo:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần TIE ban hành vào tháng 04/2008.
- Quy chế hoạt động của HĐQT ban hành theo quyết định số 01/2004/HĐQT ngày 01/08/2004.
- Quy chế quản trị Công ty ban hành theo quyết định số 06/2006/QĐ-HĐQT ngày 26/08/2009.

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm điều hành và quản lý Công ty, chịu trách nhiệm về việc đưa ra các chiến lược phát triển, tầm nhìn và các định hướng lâu dài cho Công ty.

Hội đồng quản trị cũng có trách nhiệm chọn lọc, bổ nhiệm, giám sát và đánh giá kết quả hoạt động hàng năm trong công tác điều hành và các chức danh quản lý then chốt khác của Công ty. Đồng thời đảm bảo kế hoạch phát triển và kế tục các vị trí nhân sự quan trọng trong công ty được thuận lợi và hiệu quả, có các giải pháp dự phòng biến động nhân sự cao cấp bất ngờ. Hội đồng Quản trị làm việc thường xuyên với Ban điều hành để đi đến sự đồng thuận đối với các vấn đề nêu trên. Ban điều hành phải có trách nhiệm báo cáo giải trình cho Hội đồng Quản trị.



Ngoài ra, Hội đồng quản trị cần hỗ trợ Ban điều hành trong việc giải quyết những khó khăn gặp phải trong điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các cuộc gặp trực tiếp hoặc các cuộc họp của Hội đồng Quản trị với Tổng giám đốc.

1.3. Quy mô, nhiệm kỳ và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) hiện tại bao gồm 5 thành viên nhiệm kỳ 5 năm (từ năm 2008 đến năm 2012), đáp ứng được các ý kiến đại diện trong HĐQT và phù hợp với yêu cầu quản lý và quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong đó có 2 thành viên không tham gia trực tiếp vào điều hành sản xuất kinh doanh.

HĐQT luôn chú trọng đến việc trao đổi ý kiến với các thành viên điều hành và không điều hành nhằm đưa ra những giải pháp điều hành hiệu quả nhất, phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty.

Thành viên HĐQT được thực hiện bầu chọn và bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp tại cuộc họp bất thường hoặc thường niên của Đại hội đồng cổ đông hàng năm hoặc ít nhất là 5 năm một lần.

1.4. Họp và tham dự các cuộc họp của HĐQT

HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm và họp bất thường khi có yêu cầu.

Cuộc họp HĐQT được gửi bằng thư mời hoặc thông báo trực tiếp bằng điện thoại. Mỗi thành viên HĐQT được quyền góp ý kiến và đánh giá độc lập khi đưa ra quyết định của mình.

Ban kiểm soát cũng được thông báo và mời tham dự các cuộc họp của HĐQT.

Báo cáo ghi nhận tham dự cuộc họp của các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2010 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tổng
1	Ông Đặng Ngọc Hùng	Chủ tịch	2	1	0	3	6/6
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	1	0	0	3	4/6
3	Bà Huỳnh Thị Dung	Thành viên	2	1	0	1	4/6
4	Bà Trần Thị Bé Ba	Thành viên	2	1	0	3	6/6
5	Ông Lâm Quan Việt Hải	Thành viên	1	1	0	3	5/6
6	Ông Vũ Quốc Vinh	Thành viên	0	0	0	1	1/6

Ghi chú: Ông Vũ Quốc Vinh thay Bà Huỳnh Thị Dung (về hưu)



Quyền truy cập thông tin

Các thành viên HĐQT được cung cấp một cách kịp thời, đầy đủ thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phục vụ cho nhiệm vụ của mình. Các thành viên HĐQT có quyền truy cập thông tin từ Ban điều hành hàng tháng, quý và năm.

Ban điều hành cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến kết quả sản xuất kinh doanh hoặc thông tin liên quan khác trước khi HĐQT họp.

Các thành viên HĐQT đều được thông báo về thời gian, địa điểm và nội dung của chương trình họp trước khi tiến hành họp HĐQT. Thư ký HĐQT được tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT nhằm mục đích ghi nhận lại nội dung cuộc họp và phục vụ các công tác hành chính để cuộc họp luôn đúng quy định pháp luật.

1.5. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

➤ **Ông Đặng Ngọc Hùng**

- Chức vụ tại TIE : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần TIE
- Chức vụ tại tổ chức khác :
 - Đảng ủy viên Đảng ủy Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.
 - Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.
 - Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn (CNS).

➤ **Ông Nguyễn Văn Thọ**

- Chức vụ tại TIE : Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần TIE
- Chức vụ tại tổ chức khác :
 - Phó bí thư Đảng ủy Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.
 - Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.
 - Tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.

2. Báo cáo Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm (2007 – 2012).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Ông Thân Nam Y	Trưởng BKS	Tháng 4 năm 2007	
2	Ông Đặng Chu Dũng	Thành viên BKS	Tháng 4 năm 2009	GĐ Phòng R&D
3	Bà Bùi Thị Thanh Hồng	Thành viên BKS	Tháng 4 năm 2009	PGĐ Phòng HC - NS

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên: 01 trưởng ban và 02 thành viên.

Ban kiểm soát xem xét các yếu tố và phạm vi công việc liên quan đến công tác tài chính kế toán của công ty, kiểm toán độc lập thực hiện báo cáo kiểm toán, các vấn đề có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả báo cáo tài chính và các vấn đề có liên quan khác. Ngoài ra, Ban kiểm soát xem xét các vấn đề liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ và tính hiệu lực trong các báo cáo của Ban kiểm soát nội của Công ty.

Các thành viên của Ban kiểm soát đều có kiến thức và kinh nghiệm về tài chính kế toán. Là những người có đầy đủ tư cách và năng lực để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Ban kiểm soát có thể làm việc trực tiếp với kiểm soát nội bộ hoặc kiểm toán độc lập nếu xét thấy cần thiết mà không cần có sự tham gia của Ban điều hành công ty.

Chế độ làm việc, quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ cũng như thù lao được hưởng tuân thủ theo:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần TIE ban hành vào tháng 04/2008.
- Quy chế quản trị Công ty ban hành theo quyết định số 06/2006/QĐ-HĐQT ngày 26/08/2009.
- Quy chế làm việc của Ban kiểm soát ban hành theo quyết định số 01/QĐ-BKS ngày 30/10/2009.

3. Thông tin liên quan đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

2.1. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Chủ tịch, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO NĂM 2010 (VND)
1	Đặng Ngọc Hùng	Chủ tịch HĐQT	200.000.000
2	Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT	130.000.000
3	Huỳnh Thị Dung	Thành viên HĐQT	130.000.000
4	Vũ Quốc Vinh	Thành viên HĐQT	5.000.000
5	Trần Thị Bé Ba	Thành viên HĐQT	120.000.000
6	Lâm Quan Việt Hải	Thành viên HĐQT	90.000.000
7	Thân Nam Y	Trưởng ban kiểm soát	56.000.000
8	Đặng Chu Dũng	Thành viên BKS	28.000.000
9	Bùi Thị Thanh Hồng	Thành viên BKS	28.000.000
	TỔNG CỘNG		787.000.000



2.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các thành viên HĐQT:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Ghi chú
Ông Đặng Ngọc Hùng	Chủ tịch HĐQT	478.495	5,0000 %	Đại diện vốn nhà nước
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT	5.263.515	55,0007 %	Đại diện vốn nhà nước
Ông Vũ Quốc Vinh	Thành viên HĐQT	478.495	5,0000 %	Đại diện vốn nhà nước
Bà Trần Thị Bé Ba	Thành viên HĐQT	478.495	5,0000 %	Đại diện vốn nhà nước
		5.300	0,0554 %	Cổ phần cá nhân

42

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

2.3. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/ chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không

4. Thông tin cổ đông

4.1. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:

4.1.1. Cổ đông/thành viên góp vốn:

ĐVT: Triệu VNĐ

TT	Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông ngoài nước		Tổng số	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	66.990	70,0007			66.990	70,0007
2	Cổ đông đặc biệt	133	0,1390			133	0,1390
2.1	Cổ đông HĐQT	128	0,1338			128	0,1338
2.2	Ban kiểm soát	5	0,0052			5	0,0052
3	Cổ đông cá nhân	28.319,4	29,5900	102,0	0,11	28.421,4	29,7000
4	Cổ đông tổ chức	67.121,9	70,1400	155,7	0,16	67.277,6	70,3000
Tổng vốn chủ sở hữu						95.699,0	100.000



4.1.2. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

TT	Cổ đông	Số ĐKNSH	Địa chỉ liên lạc	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Trong nước					
1	Tổng Cty CN Sài Gòn (Đại diện vốn nhà nước)	4106000285	11/121 Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM	6.699.000	70.0007

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức bằng tiền số 58/2011 – TIE/VSD=ĐK ngày 08/02/2011 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp)

4.1.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:

TT	Họ và tên	Số ĐK Người SH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cá nhân:						
1	Jeong Youn Gyu	SR0083407	339/39 Nguyễn Thái Bình, P12, Q.Tân Bình	Korea	1,000	0,0104%
2	Nakamura Chitomi	TG6058691	167 Nguyễn Công Trứ, Q1, Tp.HCM	Japan	5,000	0,0522%
3	Tetsuji Nagata	I00081	203 Harigaya 3-7-2, Urawa -Ku, Saitama,330-0075, JP	Japan	4,000	0,0418%
4	Yamazaki Atsushi	IS0469	165 Ongi, Yotsukaido-shi, Chiba-ken, Japan	Japan	200	0,0021%
Cộng					10.200	0,1066%



Tổ chức:						
1	CREDIT SUISSE (HONG KONG) LTD	CS1947	45 TH AND 46TH FLOORS, TWO EXCHANGE SQUARE, CONNAUGHT PLACE, CENTRAL, HONGKONG	Hong Kong	14,020	0,1465%
2	IWAI SECURITIES CO., LTD	CA2539	1-8-16 Kitahama Chuo-ku Osaka 541- 0041 Japan	Japan	950	0,0099%
3	NEW-S SECURITIES CO., LTD.	CS9483	EBISU BLDG, 11-10, 3-CHOME, HIGASHI, SHIBUYA-KU, TOKYO	Japan	30	0,0003%
4	VOF INVESTMENT LTD	C00126	P.O Box 2208, Road Town, Tortola, B.V.I	Bristish Virgin Isl	570	0,0060%
Cộng					15.570	0,1627%
TỔNG CỘNG					25.770	0,2693%

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức bằng tiền số 58/2011
- TIE/VSD=ĐK ngày 08/02/2011 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi
nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp)



5. Hoạt động Quan hệ cổ đông - Các dữ liệu thống kê về cổ đông

TIE luôn cam kết duy trì kênh thông tin minh bạch, hiệu quả và kịp thời đến nhà đầu tư thông qua các cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức hàng năm hoặc bất thường và thông qua các công cụ công bố thông tin.

Các thông tin quan trọng cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được công bố đầy đủ trên website Công ty Cổ phần TIE <http://www.tie.com.vn> và được công bố rộng rãi trên các phương tiện đại chúng khác như Sở giao dịch chứng khoán hay các tạp chí kinh tế, báo viết, báo mạng,...

TIE luôn khuyến khích tất cả cổ đông và các chuyên gia phân tích có đánh giá trung thực và khách quan về tình hình hoạt động của công ty hiện tại cũng như trong tương lai, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên phát biểu ý kiến và nhận xét của mình cho sự phát triển của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TIE
M. Quốc Vinh
Tổng Giám Đốc
VŨ QUỐC VINH



VI. Báo cáo tài chính đã kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 của Công ty Cổ phần TIE gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2011, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần TIE tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

(ĐÃ KÝ)

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Hồ Văn Tùng - Kiểm toán viên

**Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV
Đ.0092/KTV**

Chứng chỉ kiểm toán viên số:

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2011



BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		141,638,420,123	128,475,760,675
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16,798,113,156	34,909,419,022
Tiền	111		15,798,113,156	7,734,765,022
Các khoản tương đương tiền	112		1,000,000,000	27,174,654,000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,851,260,000	2,320,460,000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5,729,060,000	4,832,060,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2,877,800,000)	(2,511,600,000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70,564,548,926	49,296,789,867
Phải thu khách hàng	131	V.4	26,355,372,490	20,586,558,712
Trả trước cho người bán	132	V.5	3,653,396,328	4,045,641,722
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	V.6	43,800,780,108	27,909,589,433
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(3,245,000,000)	(3,245,000,000)
Hàng tồn kho	140		46,112,065,682	39,345,113,140
Hàng tồn kho	141	V.8	53,231,039,920	41,744,680,971
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(7,118,974,238)	(2,399,567,831)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5,312,432,359	2,603,978,646
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	148,027,422	43,967,595
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,835,553,333	2,070,911,051
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	690,030,771	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	638,820,833	489,100,000



	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154,881,289,898	140,377,422,485
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		52,890,137,286	29,414,444,238
Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	11,260,133,100	11,052,865,265
<i>Nguyên giá</i>	222		19,178,570,004	19,510,889,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7,918,436,904)	(8,458,023,735)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.14	18,089,005,769	13,925,252,609
<i>Nguyên giá</i>	228		18,912,163,156	14,389,663,156
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(823,157,387)	(464,410,547)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	23,540,998,417	4,436,326,364
Bất động sản đầu tư	240	V.16	12,916,071,351	13,189,449,159
<i>Nguyên giá</i>	241		13,668,890,643	13,668,890,643
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(752,819,292)	(479,441,484)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		87,512,002,670	96,773,015,448
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	59,634,905,280	68,663,556,000
Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	29,549,459,448	29,549,459,448
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(1,672,362,058)	(1,440,000,000)
Tài sản dài hạn khác	260		1,563,078,591	1,000,513,640
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	1,563,078,591	1,000,513,640
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-



Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		296,519,710,021	268,853,183,160
	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		69,143,154,375	68,030,952,544
Nợ ngắn hạn	310		69,066,334,532	67,934,048,758
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	34,121,898,032	10,046,495,436
Phải trả người bán	312	V.22	662,688,508	15,987,045,677
Người mua trả tiền trước	313		92,440,821	34,737,130
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	791,076,377	1,692,762,173
Phải trả người lao động	315		29,907,280	-
Chi phí phải trả	316		-	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	30,055,287,702	35,648,253,327
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	3,313,035,812	4,524,755,015
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		76,819,843	96,903,786
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		76,819,843	96,903,786
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		227,376,555,646	200,822,230,616
Vốn chủ sở hữu	410		227,376,555,646	200,822,230,616
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	95,699,000,000	95,699,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	104,948,405,377	90,216,000,652
Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	11,025,017,419	9,206,202,021
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	15,704,132,850	5,701,027,943
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		296,519,710,021	268,853,183,160


Lê Ngọc Phú
Người lập biểu


Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng


Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thuê ngoài	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	1,317,737,655	1,317,737,655
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	137,619.40	306,454.97
Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2011



Lê Ngọc Phú
Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng



Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	302,296,642,313	278,411,686,182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3,559,866,924	7,052,851,453
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.1	298,736,775,389	271,358,834,729
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	292,222,211,023	265,215,312,122
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		6,514,564,366	6,143,522,607
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	50,870,565,607	40,777,988,966
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21,724,426,614	(1,340,487,607)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,511,374,386	234,994,157
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	13,991,900,954	12,996,010,950
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9,497,351,000	8,942,379,045
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12,171,451,405	26,323,609,185
11. Thu nhập khác	31	VI.7	32,011,085,618	13,674,754,258
12. Chi phí khác	32	VI.8	3,968,235,586	464,215,338
13. Lợi nhuận khác	40		28,042,850,032	13,210,538,920
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thu	50		40,214,301,437	39,534,148,105
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	3,600,461,752	2,443,936,036
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>36,613,839,685</u>	<u>37,090,212,069</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>3,826</u>	<u>3,876</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2011



Lê Ngọc Phú
Người lập biểu



Phạm Thủy Oanh
Kế toán trưởng




Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40,214,301,437	39,534,148,105
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.13,14,16	1,622,158,250	1,626,315,999
- Các khoản dự phòng	03		5,317,968,465	(1,050,372,796)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(320,935,131)	(83,403,409)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,4,7,8	(57,144,624,518)	(40,585,566,030)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4,511,374,386	234,994,157
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(5,799,757,111)	(323,883,974)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12,304,783,666)	(17,023,366,645)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11,486,358,949)	(27,860,968,424)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1,400,914,669	688,335,258
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(666,624,778)	389,988,308
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4,511,374,386)	(234,994,157)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.23	(5,870,106,274)	(520,323,450)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	804,801,584
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6,373,591,567)	(1,986,067,021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(45,611,682,062)	(46,066,478,521)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(25,315,039,977)	(9,484,304,995)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	22,292,805,829	7,741,481,248
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(897,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ				

	của			
	đơn vị khác	24	-	8,217,437,752
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(2,116,318,559)	
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	17,855,666,200	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16,985,218,976	21,594,354,782
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	28,805,332,469	28,068,968,787

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

56

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21	193,101,646,962	25,324,756,274
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21	(169,026,244,366)	(18,207,026,484)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(25,701,294,000)	8,762,592,750
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,625,891,404)	15,880,322,540
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(18,432,240,997)	(2,117,187,194)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	34,909,419,022	36,943,202,807
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		320,935,131	83,403,409
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	16,798,113,156	34,909,419,022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



Lê Ngọc Phú
 Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2011


CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
 Vũ Quốc Vinh
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – Thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 157 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 163 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong 6 tháng đầu năm 2010 Công ty triển khai Hợp đồng hợp tác kinh doanh Đầu tư dự án cao ốc văn phòng với Công ty Cổ phần Bất động sản Exim tại địa điểm 376 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Công ty đã ghi nhận 22 tỷ VND khoản đền bù giải phóng mặt bằng của dự án vào thu nhập trong năm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

7. **Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền phần mềm máy tính

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm đối với 38.887,9 m² đất tại xã Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương và không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m² đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

8. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. **Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.



Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và Bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2009	:	17.941
VND/USD			
	31/12/2010	:	18.932
VND/USD			

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể



liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	581.053.834	295.269.230
Tiền gửi ngân hàng	15.217.059.322	7.439.495.792
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	27.174.654.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	<u>16.798.113.156</u>	<u>34.909.419.022</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình	6	60.000	6	60.000



	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà	15.000	1.872.000.000	12.000	1.842.000.000
- Công ty Cổ phần Dầu Tường An	6.000	828.000.000	6.000	828.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín	94.500	2.049.000.000	40.000	1.182.000.000
Cộng		<u>5.729.060.000</u>		<u>4.832.060.000</u>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà: tăng do mua thêm 3.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 30.000.000 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín: tăng do mua thêm 30.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 699.000.000 VND, tăng 14.000 cổ phiếu do thực hiện quyền mua với giá 12.000 VND/cổ phiếu giá trị là 168.000.000 VND và nhận 10.500 cổ phiếu thưởng.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.511.600.000)	(3.233.350.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(366.200.000)	(2.511.600.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	3.233.350.000
Số cuối năm	<u>(2.877.800.000)</u>	<u>(2.511.600.000)</u>

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	25.904.827.888	20.014.694.549
Tại Chi nhánh Cần Thơ	-	200.432.981
Tại Chi nhánh Hà Nội	444.002.602	367.246.182
Tại Chi nhánh Phú Quốc	6.542.000	4.185.000
Cộng	<u>26.355.372.490</u>	<u>20.586.558.712</u>

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng Công ty	3.645.896.328	4.045.641.722
Tại Chi nhánh Phú Quốc	7.500.000	-
Cộng	<u>3.653.396.328</u>	<u>4.045.641.722</u>

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức và lợi nhuận được chia	37.500.000.000	22.000.000.000
Phải thu Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam về các khoản chi hộ	-	1.981.666.853
Công ty Chứng khoán Đông Á	506.176.252	303.699.720
Dự án cao ốc 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10	2.139.255.159	-



	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần thể hệ mới NGT (*)	3.210.000.000	3.210.000.000
Các khoản phải thu khác	445.348.697	414.222.860
Cộng	<u>43.800.780.108</u>	<u>27.909.589.433</u>

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần thể hệ mới NGT đã được lập dự phòng do khó có khả năng thu hồi.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán của:		
4ng Lê Nguyên Vũ	(35.000.000)	(35.000.000)
Công ty Cổ phần thể hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Cộng	<u>(3.245.000.000)</u>	<u>(3.245.000.000)</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	1.111.567.756	-
Nguyên liệu, vật liệu	147.753.298	155.213.099
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.454.842	48.370.209
Thành phẩm	243.171.758	165.469.217
Hàng hóa	51.686.092.266	41.375.628.446
Cộng	<u>53.231.039.920</u>	<u>41.744.680.971</u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Khoản dự phòng giảm giá cho hàng hóa.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(2.399.567.831)	(577.682.827)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.719.406.407)	(2.219.560.958)
Hoàn nhập dự phòng	-	397.675.954
Số cuối năm	<u>(7.118.974.238)</u>	<u>(2.399.567.831)</u>



10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	49.000.000	11.191.077
Tại Chi nhánh Phú Quốc	99.027.422	32.776.518
Cộng	<u>148.027.422</u>	<u>43.967.595</u>

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

12. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	145.000.000	224.100.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	493.820.833	265.000.000
Cộng	<u>638.820.833</u>	<u>489.100.000</u>

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.031.818.843	1.636.291.433	3.183.448.620	659.330.104	19.510.889.000
Mua sắm mới	-	-	1.572.840.728	115.027.196	1.687.867.924
Thanh lý, nhượng bán	(1.318.104.478)	(114.654.954)	(587.427.488)	-	(2.020.186.920)
Số cuối năm	<u>12.713.714.365</u>	<u>1.521.636.479</u>	<u>4.168.861.860</u>	<u>774.357.300</u>	<u>19.178.570.004</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	489.777.102	1.439.185.387	166.000.000	201.155.896	2.296.118.385
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.211.193.720	1.583.813.535	1.257.449.337	405.567.143	8.458.023.735
Khấu hao trong năm	538.077.970	15.165.552	295.712.782	141.077.298	990.033.602
Thanh lý, nhượng bán	(994.463.914)	(114.654.954)	(420.501.565)	-	(1.529.620.433)
Số cuối năm	<u>4.754.807.776</u>	<u>1.484.324.133</u>	<u>1.132.660.554</u>	<u>546.644.441</u>	<u>7.918.436.904</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.820.625.123	52.477.898	1.925.999.283	253.762.961	11.052.865.265
Số cuối năm	<u>7.958.906.589</u>	<u>37.312.346</u>	<u>3.036.201.306</u>	<u>227.712.859</u>	<u>11.260.133.100</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-



	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-
14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình					
		Phần mềm quản lý và bản quyền nhân	Quyền sử dụng đất		Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm		858.492.840	13.531.170.316		14.389.663.156
Kết chuyển từ XDCB dở dang		-	4.522.500.000		4.522.500.000
Số cuối năm		858.492.840	18.053.670.316		18.912.163.156
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm		214.254.454	250.156.093		464.410.547
Khấu hao trong năm		85.849.284	272.897.556		358.746.840
Số cuối năm		300.103.738	523.053.649		823.157.387
Giá trị còn lại					
Số đầu năm		644.238.386	13.281.014.223		13.925.252.609
Số cuối năm		558.389.102	17.530.616.667		18.089.005.769

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển khác	Số cuối năm
15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang					
XDCB dở dang					
Văn phòng 52 Thành Thái	-	1.119.845.524	-	(1.119.845.524)	-
Làm bờ kè Phú Quốc	-	1.410.812.871	-	-	1.410.812.871
Dự án 376 Điện Biên Phủ	-	22.000.000.000	-	-	22.000.000.000
Dự án cửa hàng kinh doanh Điện-Điện tử tin học	-	81.818.182	-	-	81.818.182
Mua đất Phú Quốc	4.000.000.000	522.500.000	(4.522.500.000)	-	-
Khác	436.326.364	-	-	(387.959.000)	48.367.364
Cộng	4.436.326.364	25.134.976.577	(4.522.500.000)	(1.507.804.524)	23.540.998.417

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư
 Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.



Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	13.668.890.643	-	13.668.890.643
Giá trị hao mòn	479.441.484	273.377.808	752.819.292
Giá trị còn lại	13.189.449.159		12.916.071.351

Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư trên.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

7	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Điện tử Samsung Vina ⁽ⁱ⁾	-	53.665.056.000	-	53.665.056.000
Công ty TNHH Dụng cụ Điện Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	-	5.969.849.280	-	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sân Bay ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	1.485.000	14.998.500.000
Cộng		59.634.905.280		68.663.556.000

(i) Công ty đầu tư vào Công ty Điện tử Samsung Vina bằng quyền sử dụng 58.200 m² đất tại xã Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với giá trị tương đương 3.492.000 USD hay 53.665.056.000 VND trong vòng 20 năm kể từ năm 1995, tương đương 20% vốn điều lệ.

(ii) Trong năm Công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Dụng cụ Điện Việt Nam với giá trị là 5.969.849.280 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

(iii) Khoản đầu tư mua cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Sài Gòn Sân Bay với số lượng cổ phiếu 1.485.000, tương đương 33% vốn điều lệ trong năm. Công ty đã bán toàn bộ số cổ phiếu này.

18. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu các Công ty sau:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	987.289	12.946.629.448	822.741	12.946.629.448
Công ty Cổ phần vận chuyển Saigon Tourist	58.212	603.120.000	58.212	603.120.000
Công ty Cổ phần dịch vụ bưu chính viễn thông Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	954.218	8.674.710.000
Công ty Cổ phần bất	500.000			



	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
động sản Rovam Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình		5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
	40.875	2.325.000.000	37.500	2.325.000.000
Cộng		29.549.459.448		29.549.459.448

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam: tăng do nhận 164.548 cổ phiếu thưởng.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần dịch vụ bưu chính viễn thông Sài Gòn: tăng do nhận 477.109 cổ phiếu thưởng.
- Khoản đầu tư vào Cổ phiếu Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tăng do nhận 3.375 cổ phiếu thưởng.

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn
Khoản dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.440.000.000)	(3.590.507.800)
Trích lập dự phòng bổ sung	(232.362.058)	(1.440.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	3.590.507.800
Số cuối năm	(1.672.362.058)	(1.440.000.000)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi tiết phát sinh	Kết chuyển	Số cuối năm
			vào chi phí SXKD trong năm	
Tại Văn phòng Công ty	832.456.322	1.862.749.137	(1.148.091.533)	1.547.113.926
Tại Chi nhánh Cần Thơ	58.467.542	-	(42.502.877)	15.964.665
Tại Chi nhánh Phú Quốc	109.589.776	767.264.636	(876.854.412)	-
Cộng	1.000.513.640	2.630.013.773	(2.067.448.822)	1.563.078.591

21. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2010 thông qua hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 10.773001/HĐTDHM ngày 02 tháng 01



năm 2010. Hai bên thỏa thuận nội dung hạn mức cho vay không có đảm bảo bằng tài sản tương đương 70 tỷ VND (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi).

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	10.046.495.436	2.158.293.729
Số tiền vay phát sinh	191.939.552.392	25.324.756.274
Chênh lệch tỉ giá	1.162.094.570	770.471.917
Số tiền vay đã trả	<u>(169.026.244.366)</u>	<u>(18.207.026.484)</u>
Số cuối năm	<u>34.121.898.032</u>	<u>10.046.495.436</u>

22. **Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	662.688.508	15.983.706.677
<i>Công ty Điện tử Samsung Vina</i>	424.738.969	15.542.538.272
<i>Công ty Young In Electronic</i>	-	389.427.946
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	237.949.539	51.740.459
Tại Chi nhánh Phú Quốc	-	3.339.000
Cộng	<u>662.688.508</u>	<u>15.987.045.677</u>

23. **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	49.985.286	521.372.999	(545.223.305)	26.134.980
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.253.125.987	(2.016.283.602)	236.842.385
Thuế xuất, nhập khẩu	-	323.398.568	(266.342.598)	57.055.970
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.579.613.751	3.600.461.752	(5.870.106.274)	(690.030.771)
Thuế thu nhập cá nhân	63.163.136	825.322.017	(417.442.111)	471.043.042
Thuế nhà đất	-	859.450.000	(859.450.000)	-
Các loại thuế khác	-	10.000.000	(10.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	22.500.000	(22.500.000)	-
Cộng	<u>1.692.762.173</u>	<u>8.415.631.323</u>	<u>(10.007.347.890)</u>	<u>101.045.606</u>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.11).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:



Tiền bảo hành, màn hình vi tính , máy tính tiền, máy chiếu...	10%
Hàng hóa xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.214.301.437	39.534.148.105
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.639.191.454	4.431.997.603
- Các khoản điều chỉnh giảm	6.863.905.048	2.782.728.018
	<u>(4.224.713.594)</u>	<u>1.649.269.585</u>
Thu nhập chịu thuế	42.853.492.891	43.966.145.708
Thu nhập được miễn thuế	(32.170.513.853)	(30.000.796.930)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	10.682.979.038	13.965.348.778
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.670.744.759	3.491.337.195
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Thông tư 03/TT-BTC	-	(1.047.401.159)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.670.744.759	2.443.936.036
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	929.716.993	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.600.461.752	2.443.936.036

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất đang sử dụng tại 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, 912 Điện Biên Phủ, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh và 52 Thành Thái, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm y tế	8.724.632	3.534.792
Kinh phí công đoàn	46.322.664	43.952.372
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.350.334.000	31.266.678.000
Thủ lao HĐQT	208.907.126	242.499.417
Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản	18.460.000.000	-



	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Exim - theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 03/HĐTIE09		
Công ty TNHH ATP – tiền ứng vốn	803.498.664	3.651.530.000
Các khoản phải trả khác	177.500.616	440.058.746
Cộng	<u>30.055.287.702</u>	<u>35.648.253.327</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.524.755.015	1.541.450.106
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	4.365.156.956	4.442.058.985
Điều chỉnh theo nghị quyết của Đại hội cổ đông 2008	-	527.312.945
Chi quỹ	(5.576.876.159)	(1.986.067.021)
Số cuối năm	<u>3.313.035.812</u>	<u>4.524.755.015</u>

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	66.990.000.000
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	28.709.000.000
Cộng	<u>95.699.000.000</u>	<u>95.699.000.000</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm nay là 25.701.294.000 VND (năm trước là 807.307.250 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.569.900	9.569.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.569.900	9.569.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.569.900	9.569.900
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.569.900	9.569.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.569.900	9.569.900
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.



Quý dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	302.296.642.313	278.411.686.182
- Doanh thu bán hàng hóa	278.258.352.054	258.347.230.377
- Doanh thu bán thành phẩm	4.316.750.229	5.487.626.143
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	270.758.185	504.335.826
- Doanh thu khác	115.973.705	-
- Doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc	13.817.568.709	12.187.660.911
- Doanh thu của Chi nhánh Hà Nội	3.952.843.624	1.259.078.254
- Doanh thu của Chi nhánh Cần Thơ	1.564.395.807	625.754.671
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.559.866.924)	(7.052.851.453)
Hàng bán bị trả lại		
Doanh thu thuần	<u>298.736.775.389</u>	<u>271.358.834.729</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	2.264.688.647	2.173.007.556
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	274.564.617.258	252.311.493.674
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	10.539.637.279	9.207.081.007
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	3.483.279.145	957.062.441
Giá vốn Chi nhánh Cần Thơ	1.369.988.694	566.667.444
Cộng	<u>292.222.211.023</u>	<u>265.215.312.122</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	314.705.123	2.843.287.852
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	127.407.860	-
Lãi đầu tư và doanh thu bán cổ phiếu đầu tư dài hạn	17.855.666.200	7.777.681.248
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.170.513.853	28.251.066.930
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.160.672	55.762.521
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	359.111.899	100.460.415
Khác	-	1.749.730.000
Cộng	<u>50.870.565.607</u>	<u>40.777.988.966</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.511.374.386	234.994.157



	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ do bán chứng khoán	-	36.200.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.576.190.402	1.017.286.265
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.176.768	17.057.006
Giá vốn bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Sài Gòn Sân bay	14.998.500.000	-
Dự phòng và (hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư chứng khoán	598.562.058	(2.679.307.800)
Chi phí khác	1.623.000	33.282.765
Cộng	<u>21.724.426.614</u>	<u>(1.340.487.607)</u>
5. Chi phí bán hàng	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.987.462.981	4.259.273.454
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	37.497.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	630.775.975	650.636.566
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	69.808.492	81.872.275
Chi phí bảo hành	152.401.027	39.160.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.056.189.750	3.748.430.963
Chi phí bằng tiền khác	5.095.262.729	4.179.139.862
Cộng	<u>13.991.900.954</u>	<u>12.996.010.950</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.027.656.734	4.307.245.505
Chi phí vật liệu quản lý	93.624.249	127.885.858
Chi phí đồ dùng văn phòng	207.205.737	323.871.222
Chi phí khấu hao TSCĐ	991.382.275	975.679.433
Thuế, phí và lệ phí	226.284.998	76.347.000,00
Chi phí dịch vụ mua ngoài	862.956.030	1.308.617.635
Chi phí bằng tiền khác	2.088.240.977	1.822.732.392
Cộng	<u>9.497.351.000</u>	<u>8.942.379.045</u>
7. Thu nhập khác	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khoản thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	9.048.994.712	13.526.921.938
Thu đền bù giải phóng mặt bằng của dự án hợp tác kinh doanh cao ốc 376 Điện Biên Phủ	22.000.000.000	-
Thu thanh lý TSCĐ	292.805.829	-
Thu khác	669.285.077	147.832.320
Cộng	<u>32.011.085.618</u>	<u>13.674.754.258</u>
8. Chi phí khác	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>



	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	490.566.487	-
Nộp phạt thuế	17.951.159	9.796.145
Chi phí dự phòng hàng hóa thất thoát	3.458.322.435	-
Chi phí khác	1.395.505	454.419.193
Cộng	<u>3.968.235.586</u>	<u>464.215.338</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.613.839.685	37.090.212.069
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.613.839.685	37.090.212.069
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.569.900	9.569.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.826</u>	<u>3.876</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.041.037.786	1.197.482.618
Chi phí nhân công	11.314.786.334	9.859.036.129
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.622.158.250	1.626.315.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.265.762.620	5.179.288.841
Chi phí khác	7.609.495.282	6.309.611.638
Cộng	<u>25.853.240.272</u>	<u>24.171.735.225</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhận cổ tức ALT bằng cổ phiếu	-	75.000.000
Ghi nhận khoản đầu tư bằng kết chuyển các khoản chi hộ phải thu	3.853.530.721	-
Cộng	<u>3.853.530.721</u>	<u>75.000.000</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC



1. **Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.353.804.592	1.179.156.903
Tiền thưởng	612.860.000	168.940.000
Thù lao	770.000.000	396.000.000
Cộng	<u>2.736.664.592</u>	<u>1.744.096.903</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sân Bay	Công ty liên kết
Công ty Điện tử Samsung Vina	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Điện tử Samsung Vina		
Mua hàng	275.910.246.926	263.619.470.385
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	872.204.951	1.483.506.739
Lợi nhuận được hưởng	31.500.000.000	27.000.000.000
Thu hỗ trợ	8.556.190.287	13.302.960.887

Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam

Bán hàng	7.126.388.671	-
Bán xe thanh lý	220.000.000	-
Góp vốn	5.969.849.280	-
Các khoản chi hộ	468.516.628	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam		
Phải thu các khoản chi hộ	-	1.981.666.853

Công ty Điện tử Samsung Vina

Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.373.312	67.010.549
Cổ tức phải thu	37.500.000.000	22.000.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>37.580.373.312</u>	<u>24.048.677.402</u>

Công ty Điện tử Samsung Vina

Phải trả tiền mua hàng	424.738.969	15.542.538.272
Cộng nợ phải trả	<u>424.738.969</u>	<u>15.542.538.272</u>

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh màn hình Syncmaster tại thị trường Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Việc áp dụng qui định mới tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ảnh hưởng đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Nợ phải trả	300	63.506.197.529	4.524.755.015	68.030.952.544
Nợ ngắn hạn	310	63.409.293.743	4.524.755.015	67.934.048.758
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	4.524.755.015	4.524.755.015
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	205.346.985.631	(4.524.755.015)	200.822.230.616
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	4.524.755.015	(4.524.755.015)	-

4. Thông tin khác

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2011



Lê Ngọc Phú
Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng




Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc